

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con;
tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và góp hụi; yêu cầu hủy hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thạch

2. Ông Lê Văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 260/20202/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi; yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXX ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoài N, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 113/6, tổ 13, khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị N (tên gọi khác Bùi Thị V), sinh năm 1974; địa chỉ: Số 113/6, tổ 13, khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Lê Hoài N, sinh năm: 1998; địa chỉ: Số 113/6, tổ 13, khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

+ Bà Võ Thị Hồng C, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số nhà 124, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cúc: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm: 1969; địa chỉ: Số nhà 10/15b, hẻm 81, đường Cách mạng tháng Tám, khu phố Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (giấy ủy quyền ngày 04-5-2020), có mặt.

+ Bà Phan Thị H, sinh năm: 1959; địa chỉ: Số 65, đường Hoàng Lê Kha, khu phố 7, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

+ Ông Vũ Quốc L, sinh năm: 1972 và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1971; địa chỉ: Số nhà 451C, đường Bờ Lờ, khu phố Ninh Tân, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, chi nhánh Tây Ninh, phòng giao dịch Gò Dầu; địa chỉ trụ sở: KP 4/9AC, Nội Ô thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Văn H, chức vụ: Phó phòng giao dịch Gò Dầu (giấy ủy quyền ngày 17-02-2022), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 5 năm 2020, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Hoài N trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1996, có đăng ý ết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành (nay là phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh. Ông và bà N sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung. Ông bà đã ly thân hơn 2 năm nay. Ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Lê Hoài N, sinh ngày 04-02-1998 và Lê Tuyết N, sinh ngày: 21-9-2005. Con chung Lê Hoài N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện con chung Lê Tuyết N đang sinh sống cùng bà N. Ông đồng ý giao con chung Lê Tuyết N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông sẽ có trách nhiệm với con chung. Ông được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Ông bà có 02 căn nhà và đất tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông bà đã tặng cho con chung Lê Hoài N nên hiện tại không còn tài sản chung nào khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có nợ riêng của ai thì người đó tự trả. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C vì ông không biết khoản nợ này. Nhà đất ông đã tặng cho con trai Lê Hoài N nên không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo yêu cầu của bà C.

- Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng bị đơn bà Bùi Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông N tự nguyện sống chung từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành (nay là phường

Long Hoa, thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh vào năm 1996. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2015 cho đến nay phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do tính tình không hợp nhau. Ông bà đã ly thân mấy năm nay. Ông N xin ly hôn bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Lê Hoài N, sinh ngày 04-02-1998 và Lê Tuyết N, sinh ngày: 21-9-2005. Con chung Lê Hoài N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện con chung Lê Tuyết N đang sinh sống cùng bà. Bà xin nuôi con chung Lê Tuyết N, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Ông N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Bà và ông N có 02 căn nhà và đất tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông bà đã tặng cho con chung Lê Hoài N nên hiện tại không còn tài sản chung nào khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ riêng của bà với bà C và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì bà đang thỏa thuận trả tiền cho bà C để bà C rút yêu cầu khởi kiện.

- *Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hồng C, người đại diện theo ủy quyền của bà C là ông Huỳnh Văn A trình bày:*

Theo đơn khởi kiện ngày 14-02-2020: Xuất phát từ quan hệ họ hàng nên biết ông N, bà N làm chủ hội nhằm góp vốn xoay vòng giúp chị em hội viên làm ăn. Bà C chơi 04 phần hội khai năm 2017, 2018, 2019, hội 5.000.000 đồng. Trong thời gian chơi hội ngày 01-7-2019, bà N có vay bà C thêm 100.000.000 đồng. Do bị vỡ hội nên bà N, ông N không còn gom hội và cũng không có tiền trả cho bà C. Ngày 13-02-2020, bà N đã ký giấy nhận nợ với bà C số tiền 452.000.000 đồng và cam kết trả mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng bà C không đồng ý. Bà C khởi kiện yêu cầu bà N, ông N có trách nhiệm trả một lần 452.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 01-12-2020: Bà C là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hội với bà N, ông N thụ lý ngày 14-02-2020. Trong quá trình đang giải quyết vụ án thì bà N, ông N đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 80, tờ bản đồ 31, diện tích 57,6m² và thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31, diện tích 26,8m² tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh cho con trai Lê Hoài N và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm tẩu tán tài sản. Bà C yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với các phần đất nêu trên giữa ông N, bà N với anh N.

Ngày 01-12-2020, bà C có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản” của ông N, bà N đối với các phần đất nêu trên. Ngày 04-12-2020, Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ-BPKCTT phong tỏa tài sản đối với phần đất

diện tích 26,8m², thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh do anh Lê Hoài N đứng tên.

Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bà C yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 57,6m², tờ bản đồ số 80, thửa đất số 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh giữa ông N, bà N với anh N. Bà C yêu cầu ông N, bà N trả tiền vay, tiền hui là 452.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31, diện tích 26,8m² tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh giữa ông N, bà N với anh N.

- Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày:

Ngày 09-10-2020, bà và chị Hg có sang nhượng của anh N nhà đất diện tích 57,6m², thửa đất số 80, tờ bản đồ 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh với giá 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng. Hai bên đã làm thủ tục sang nhượng nhà đất tại Phòng công chứng Lương Tâm Thanh. Khi làm Hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất thì bà và chị H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh N. Bà và chị H chưa đi làm thủ tục sang tên phần đất thì anh N xin chuộc lại nhà đất để đi vay tiền Ngân hàng. Bà, chị H và anh N có ra phòng công chứng Lương Tâm Thanh hủy Hợp đồng sang nhượng đất và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N. Anh N mới ký Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Lương Tâm Thanh và làm thêm một giấy nợ viết tay cho bà và chị H số tiền 1.910.000.000 đồng. Hiện nay anh N, bà N đã trả cho bà và chị H được 1.680.000.000 đồng. Hiện còn thiếu lại bà và chị H 230.000.000 đồng. Bà và chị H đang kiện bà N với anh N tại Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành. Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ kiện. Bà sẽ nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án sau. Trong vụ kiện này bà không có tranh chấp gì cả. Bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Ngày 04-9-2020, vợ chồng bà sang nhượng nhà đất của anh N với giá 1.140.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng Trần Duy Linh. Nhà đất có diện tích 26,8m², thửa đất 105, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong Hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất ghi 100.000.000 đồng mục đích giảm thuế. Nhưng hai bên có làm riêng giấy tay mua bán số tiền 1.140.000.000 đồng. Bản chính giấy viết tay mua bán bà đã nộp cho Tòa án ở vụ kiện khác. Hai bên có thỏa thuận ngoài trong vòng 04 tháng được quyền chuộc lại nhà đất. Nếu không chuộc lại thì vợ chồng bà được đi làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau 4 tháng do anh N không chuộc lại nhà đất nên vợ chồng bà có đến Ủy ban nhân dân phường Long Hoa để làm thủ tục sang tên nhà đất thì Ủy ban trả lời hiện bà N đang thiếu tiền của nhiều người. Tòa

án và thi hành án đề nghị không được sang tên các phần đất của bà N, ông N và anh N. Hiện nay vợ chồng bà đang giữ Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh N đứng tên. Hiện nay vợ chồng bà đang kiện anh N, bà N yêu cầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà với anh N và trả lại số tiền anh N, bà N đang thiếu bà là 100.000.000 đồng. Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành đang thụ lý giải quyết. Vợ chồng bà sẽ nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án sau.

Ngày 09-10-2020, bà và bà H có sang nhượng của anh N nhà đất diện tích 57,6m², thửa đất số 80, tờ bản đồ 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh với giá 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng. Hai bên đã làm thủ tục sang nhượng nhà đất tại Phòng công chứng Lương Tâm Thanh. Khi làm Hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất thì bà và bà H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh N. Bà và bà H chưa đi làm thủ tục sang tên phần đất thì anh N xin chuộc lại nhà đất để đi vay tiền Ngân hàng. Bà, bà H và anh N có ra phòng công chứng Lương Tâm Thanh hủy Hợp đồng sang nhượng đất và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N. Anh N mới ký Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Lương Tâm Thanh và làm thêm một giấy nợ viết tay cho bà và bà H số tiền 1.910.000.000 đồng. Hiện nay anh N, bà N đã trả cho bà và bà H được 1.680.000.000 đồng (mỗi người 840.000.000 đồng). H còn thiếu lại bà và bà H 230.000.000 đồng (trong đó bà 100.000.000 đồng, bà H 130.000.000 đồng). Bà và bà H đang kiện bà N với anh N tại Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành. Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ kiện. Trong vụ kiện này bà không có tranh chấp gì cả. Bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện.

- *Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Quốc L trình bày:*

Ngày 04-9-2020, vợ chồng ông sang nhượng nhà đất của anh N với giá 1.140.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng Trần Duy Linh. Nhà đất có diện tích 26,8m², thửa đất 105, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong Hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất ghi 100.000.000 đồng mục đích giảm thuế. Nhưng hai bên có làm riêng giấy tay mua bán số tiền 1.140.000.000 đồng. Bản chính giấy viết tay mua bán đã nộp cho Tòa án ở vụ kiện khác. Hai bên có thỏa thuận ngoài trong vòng 04 tháng được quyền chuộc lại nhà đất. Nếu không chuộc lại thì vợ chồng ông được đi làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau 4 tháng do anh N không chuộc lại nhà đất nên vợ chồng ông có đến Ủy ban nhân dân phường Long Hoa để làm thủ tục sang tên nhà đất thì Ủy ban trả lời hiện bà N đang thiếu tiền của nhiều người. Tòa án và thi hành án đề nghị không được sang tên các phần đất của bà N, ông N và anh N. Hiện nay vợ chồng ông đang giữ Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh N đứng tên. Hiện nay vợ chồng ông đang kiện anh N, bà N yêu cầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng

ông với anh N và trả lại số tiền anh N, bà N đang thiếu 100.000.000 đồng. Vụ kiện đã giải quyết xong. Trong vụ kiện này ông không có tranh chấp gì cả.

- *Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, chi nhánh Tây Ninh, phòng giao dịch Gò Dầu anh Lý Văn H trình bày:*

Ngày 22-3-2022, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, chi nhánh Tây Ninh, phòng giao dịch Gò Dầu (viết tắt Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín) ký Hợp đồng tín dụng với anh Lê Hoài N. Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín cho anh Nhơn vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, đáo hạn ngày 22-3-2023. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất theo thỏa thuận, trả lãi hàng tháng, trả vốn vào cuối kỳ vay. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng phần đất diện tích 57,6m², thửa đất số 80, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Hiện nay anh N đang nợ trong hạn, không phải nợ xấu. Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín không yêu cầu anh N trả nợ trong vụ kiện này. Trường hợp anh N không trả tiền thì Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín sẽ khởi kiện anh N ở vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoài N đã được Tòa án mời làm việc hợp lệ nhiều lần nhưng không lên làm việc và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Ông N, ông A, anh H, bà H, ông L thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N vắng mặt không có lý do. Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 27, 30, 37, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ 116, 117, 123, 124, 131, 407, 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N với bà N; Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Lê Hoài N, sinh ngày 04-02-1998 và Lê Tuyết N, sinh ngày: 21-9-2005. Con chung Lê Hoài N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Lê Tuyết N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Ông N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Về tài sản

chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của bà C. Buộc ông N, bà N có nghĩa vụ trả cho bà C tiền nợ hui, tiền vay tổng cộng 452.000.000 đồng. Ghi nhận bà C không yêu cầu tính lãi. Tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18-8-2020 phần đất diện tích 26,8m², thửa 105, tờ bản đồ 31 giữa ông N, bà N với anh N là hợp đồng vô hiệu; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với ông N, bà N về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 16-9-2020. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị khác: Tòa án cần lưu ý về thời hạn giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà V, bà H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Anh N đã được Tòa án Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 57,6m², thửa đất số 80, tờ bản đồ 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với ông N, bà N.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông N, bà N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Ông N, bà N đều xác định thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc. Nhưng từ khoảng năm 2015 cho đến nay phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Ông bà đã sống ly thân nhiều năm nay. Ông N xin ly hôn bà N đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ vợ chồng. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N với bà N.

[5] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Lê Hoài N, sinh ngày 04-02-1998 và Lê Tuyết N, sinh ngày: 21-9-2005. Con chung Lê Hoài N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện con chung Lê Tuyết N đang sinh sống cùng bà N. Ông N đồng ý giao con chung Lê Tuyết N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và bà N đồng ý. Bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Ông N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Hội đồng xét xử giao con chung cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục như nên trên là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông N, bà N xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết là chưa phù hợp.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của bà C: Bà C yêu cầu bà N, ông N có nghĩa vụ trả tiền nợ hui và nợ vay là 452.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà N xác định có nợ riêng bà C số tiền nêu trên và tự trả, không yêu cầu ông N cùng trả. Ông N xác định không biết khoản nợ của bà C và không đồng ý cùng trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy nợ hui do bà N làm chủ, tiền vay để kinh doanh. Công việc chính của ông N, bà N là buôn bán, kinh doanh. Như vậy, mục đích bà N vay tiền, chơi hui là để kiếm tiền lo cho gia đình. Nợ hui và nợ vay có trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung. Do đó, ông N, bà N có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà C là phù hợp. Nhưng do ông bà ly hôn nên phải chịu trách nhiệm trả nợ từng phần cho bà C.

[9] Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà C: Bà C yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà N, ông N với anh N đối với phần đất diện tích 26,8m², thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh và anh N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm tẩu tán tài sản. Lý do trong thời gian bà C đang khởi kiện thì bà N, ông N làm thủ tục tặng cho anh N các phần đất nêu trên. Bà N, ông N không còn tài sản nào khác để thi hành án. Từ khi bà C khởi kiện đến nay bà N, ông N cũng chưa trả cho bà C khoản tiền nào cả. Ông N, bà N không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên nhưng lại không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho phần trình bày của mình. Anh N Tòa án mời làm việc nhiều lần nhưng cũng không lên Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Hội đồng xét xử chấp nhận tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông N, bà N với anh N phần đất nêu trên vô hiệu là có căn cứ.

[10] Khoản nợ giữa bà H, bà H, ông L với bà N, ông N và anh N đã được giải quyết ở vụ kiện khác, án đã có hiệu lực, các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này. Tòa án không đặt ra giải quyết.

[11] Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cho anh N vay tiền trong vụ kiện này. Nếu anh N không trả tiền thì Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín khởi kiện ở vụ kiện khác.

[12] Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ-ADBPCTT ngày 14-02-2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bằng hình thức phong tỏa tài sản là diện tích 26,8m², thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh và tài sản gắn liền với đất cấp cho anh Lê Hoài N. Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho bà C số tiền 140.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 14-02-2020 của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Hòa Thành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[13] Kết quả đo đạc, định giá:

- Hội đồng tiến hành đo đạc, định giá phần đất và tài sản trên đất nhiều lần nhưng do các đương sự không hợp tác. Hội đồng thống nhất trích lục sơ đồ các thửa đất cung cấp cho Tòa án. Các tài sản trên đất tranh chấp không định giá được do 02 căn nhà luôn đóng cửa nhưng việc tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nên trên vô hiệu cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

- Giá đất thực tế đối với phần đất thửa số 105, tờ bản đồ 31, diện tích 26,8m² x 47.000.000 đồng là 1.259.600.000 đồng; phần đất thửa số 80, tờ bản đồ 31, diện tích 57,6m² x 47.000.000 đồng là 2.707.200.000 đồng.

[14] Nhận xét và quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

[15] Chi phí tố tụng: Bà C đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 3.820.000 đồng. Bà N, ông N mỗi người phải chịu 1.910.000 chi phí tố tụng. Thu của bà N, ông N trả cho bà C.

[16] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông N là nguyên đơn phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình.

- Ông N, bà N mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Ông N, bà N mỗi người phải chịu 11.040.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trả tiền cho bà C.

- Hoàn trả lại cho bà C tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.040.000 đồng theo biên lai thu số 0009493, ngày 14-02-2020 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009435 ngày 01-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 27, 30, 37, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ và các Điều 116, 117, 123, 124, 131, 407, 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Hoài N với bà Bùi Thị N (tên gọi khác Bùi Thị V).

Ông Lê Hoài N được ly hôn với bà Bùi Thị N (Bùi Thị V).

2. Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Lê Hoài N, sinh ngày 04-02-1998 và Lê Tuyết N, sinh ngày: 21-9-2005. Con chung Lê Hoài N đã trưởng

thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Lê Tuyết N cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Ông N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng C đối với ông Lê Hoài N, bà Bùi Thị N (V).

- Buộc ông N, bà N (V) có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền nợ hui, nợ vay vốn là 452.000.000 (bốn trăm năm mươi hai triệu) đồng. Trong đó, trách nhiệm từng phần của mỗi người phải trả là: Bà N có nghĩa vụ trả cho bà C 226.000.000 (hai trăm hai mươi sáu triệu) đồng, ông N phải có nghĩa vụ trả cho bà C là 226.000.000 (hai trăm hai mươi sáu triệu) đồng. Ghi nhận bà C không yêu cầu tính lãi.

- Tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18-8-2020, công chứng số 4048, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Lê Quang Sách giữa ông Lê Hoài N, bà Bùi Thị N với anh Lê Hoài N đối với phần đất diện tích 26,8m², thửa đất số 105, tờ bản đồ 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là hợp đồng vô hiệu.

- Buộc anh Lê Hoài N trả lại cho ông N, bà N phần đất và tài sản gắn liền trên đất diện tích 26,8m², thửa đất số 105, tờ bản đồ 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có tứ cận:

+ Đông giáp đường dài 5.0m.

+ Tây giáp thửa 104 dài 9m.

+ Bắc giáp thửa 80 dài 10m.

Kiến nghị Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Lê Hoài N thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03412 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày ngày 24/8/2020. Ông N, bà N thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với ông N, bà N về việc yêu cầu tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 16-9-2020, công chứng số 7393, quyền số 21 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Lương Tâm Thanh giữa ông Lê Hoài N, bà Bùi Thị N với anh Lê Hoài N đối với phần đất diện tích 57,6m², thửa đất số 80, tờ bản đồ 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh vô hiệu.

6. Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ-ADBPKCTT ngày 14-02-2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bằng hình thức phong tỏa tài sản là diện tích 26,8m², thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh và tài sản gắn liền với đất cấp cho anh Lê Hoài N.

Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho bà C số tiền 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng theo Giấy nộp tiền ngày 14-02-2020 của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Hòa Thành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

7. Về chi phí tố tụng: Buộc ông N, bà N mỗi người phải chịu 1.910.000 (một triệu chín trăm mười ngàn) đồng chi phí tố tụng. Thu của ông N, bà N trả lại cho bà C.

8. Về án phí:

- Ông N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí khởi kiện ông N đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0008772 ngày 26-5-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông N đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình.

- Ông N, bà N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí tuyên hợp đồng tặng cho vô hiệu và 22.080.000 (hai mươi hai triệu không trăm tám mươi ngàn) đồng án phí trả tiền cho bà C. Tổng cộng, ông N, bà N phải chịu 22.380.000 (hai mươi hai triệu ba trăm tám mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, ông N phải chịu 11.190.000 (mười một triệu một trăm chín mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà N phải chịu 11.190.000 (mười một triệu một trăm chín mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Hồng C tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.040.000 (mười một triệu không trăm bốn mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0009493, ngày 14-02-2020 và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0009435 ngày 01-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

9. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

10. Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

11. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. thị xã Tây Ninh;
- CCTHADS. thị xã Tây Ninh;
- UBND. phường Long Hoa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng

